

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Số: **19** /2019/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày **04** tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2019 và thay thế Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *PH/*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Trung tâm CNTT;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.NC *đ*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

QUY CHẾ

**Phối hợp trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật
về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **19** /2019/QĐ-UBND
ngày **04** tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Cơ quan quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.
3. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.
4. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị có liên quan.
3. Bảo đảm công tác quản lý và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính.
2. Thực hiện giải quyết, xử lý vi phạm hành chính.
3. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính.
4. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành

chính.

5. Cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính.

6. Xây dựng báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức, tham gia họp liên ngành; hội nghị sơ kết, tổng kết.

3. Thành lập, tham gia các đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Tham gia triển khai thực hiện áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp không áp dụng xử phạt (*sau đây gọi chung là cưỡng chế*).

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 6. Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây gọi chung là UBND cấp huyện*) trong việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính.

b) Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hoặc đề xuất nội dung phối hợp liên ngành; tổng kết, đánh giá kết quả việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

c) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; UBND cấp huyện trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung để hoàn

thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp hoặc các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính theo phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

b) Theo dõi tình hình áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp các phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý; chủ động rà soát, kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn, chồng chéo hoặc mâu thuẫn.

c) Hàng năm xây dựng kế hoạch công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh và cấp huyện tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

4. Báo Hải Dương, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh có trách nhiệm cập nhật, đưa tin, bài phản ánh tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, đồng thời dành thời lượng thích hợp để giới thiệu các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 7. Thực hiện giải quyết, xử lý vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết, xử lý theo thẩm quyền được quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trường hợp phải kéo dài hoặc gia hạn thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Chủ tịch UBND các cấp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính phải thường xuyên kiểm tra, thanh tra và kịp thời xử lý đối với vi phạm của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Khi phát hiện quyết định về xử lý vi phạm hành chính do mình hoặc cấp

dưới ban hành có sai sót phải kịp thời sửa đổi, bổ sung, đính chính hoặc hủy bỏ, ban hành quyết định mới theo thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Khoản 8, 9, 10, 11, 12 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định của cá nhân, tổ chức bị xử lý và thông báo kết quả thi hành xong quyết định cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp địa phương.

4. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế triển khai thực hiện việc: Xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo quy định tại Điều 82 Luật Xử lý vi phạm hành chính và quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; cử cán bộ, công chức tham gia Hội đồng xác định giá trị, xử lý tang vật vi phạm hành chính theo quy định; tổ chức thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế theo quy định.

Trường hợp các cơ quan, tổ chức và cá nhân được giao chủ trì tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế có trách nhiệm triển khai các biện pháp nhằm thực hiện quyết định của người có thẩm quyền.

5. Khi Tòa án yêu cầu, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan phải cử người đại diện tham gia phiên họp để trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan trước khi xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Tòa án nhân dân theo quy định.

Điều 8. Thực hiện giải quyết, xử lý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng

1. Xác định hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng bao gồm tất cả hồ sơ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

2) Trách nhiệm thực hiện:

a) Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, cơ quan quản lý người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có trách nhiệm gửi trực tiếp hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đến Sở Tư pháp (*trường hợp*

thuộc thẩm quyền ra quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh), đến Phòng Tư pháp (*trường hợp thuộc thẩm quyền ra quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện*) để kiểm tra, đánh giá các văn bản tài liệu trong hồ sơ theo quy định.

Hồ sơ bao gồm: Công văn đề nghị kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính; Dự thảo Quyết định xử phạt hành chính vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Biên bản vi phạm hành chính, các tài liệu, giấy tờ có liên quan (*bản chính*) và phải được đánh bút lục.

Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá cho thấy hồ sơ chưa đảm bảo cần bổ sung, xác minh tình tiết của vụ việc thì cơ quan quản lý người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc xác minh, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 59 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm nhận đủ hồ sơ; phân công cán bộ, công chức chuyên môn kiểm tra, đánh giá các văn bản tài liệu trong hồ sơ; hướng dẫn hoặc đề xuất hướng giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm hành chính đảm bảo kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

Kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính bằng văn bản, được gửi cho cơ quan quản lý người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc trong thời hạn không quá 03 ngày (*trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Đoạn 2 Khoản 2 và Khoản 3 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thời hạn không quá 05 ngày*), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

c) Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (địa phương đã hợp nhất là Văn phòng Huyện ủy, HĐND và UBND) có trách nhiệm:

- Trình Chủ tịch UBND cùng cấp ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cơ quan quản lý người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Hồ sơ bao gồm: Tờ trình đề nghị ra quyết định xử phạt hành chính vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Văn bản kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan tư pháp; Dự thảo quyết định; Biên bản vi phạm hành chính, các tài liệu, giấy tờ có liên quan (*bản chính*) và phải được đánh bút lục.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan thực hiện việc tổ chức giải trình (*nếu có*) theo quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của cá nhân, tổ chức bị xử phạt theo quy định tại Mục 2 Chương III của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định tại Điều 86, 87, 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định

số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Đồng thời, thông báo kết quả thi hành xong quyết định cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp địa phương;

- Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

d) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Quy chế này.

Điều 9. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết về vụ việc theo đề nghị của cơ quan phối hợp.

b) Gửi văn bản về việc công bố công khai và bản sao quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp vi phạm về: An toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dược; khám bệnh, chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả mà gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội đến người phụ trách Báo Hải Dương hoặc Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt để công bố công khai việc xử phạt.

c) Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố công khai; đính chính thông tin sai lệch trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ thời điểm phát hiện hoặc nhận được yêu cầu đính chính.

2. Người phụ trách Báo Hải Dương hoặc Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh khi nhận được văn bản đề nghị công khai thông tin có trách nhiệm đăng đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai.

Nội dung thông tin công bố công khai được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 10. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp đề xuất Chủ tịch UBND cùng cấp thành lập đoàn kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

a) Quyết định kiểm tra phải ghi rõ thành phần đoàn kiểm tra; thời gian, nội dung, địa điểm kiểm tra; tên cơ quan, đơn vị được kiểm tra; trách nhiệm của đoàn kiểm tra và được gửi tới cơ quan, đơn vị được kiểm tra để thực hiện.

b) Báo cáo kết quả kiểm tra:

Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phải có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra gửi người đã ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra, đồng thời gửi đến cơ quan được kiểm tra. Trường hợp trong báo cáo kết quả kiểm tra có đề nghị cơ quan được kiểm tra xem xét xử lý các kiến nghị của đoàn kiểm tra, thì chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan được kiểm tra phải xem xét xử lý các kiến nghị và gửi báo cáo kết quả đến người đã ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra;

Báo cáo kết quả kiểm tra phải có các nội dung sau đây: Tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; kết quả đạt được; hạn chế, bất cập; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; kiến nghị, đề xuất.

2. Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và UBND cấp huyện thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính khi có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Điều 11. Cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp UBND tỉnh hướng dẫn việc cập nhật thông tin, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và UBND cấp huyện thực hiện việc thống kê theo quy định để đánh giá tình hình, dự báo xu hướng vi phạm pháp luật hành chính, đề xuất giải pháp khắc phục, hoàn thiện chính sách, pháp luật, phục vụ công tác báo cáo thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính.

2. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính, cơ quan quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực, đồng thời trang bị cơ sở vật chất, triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin

trong việc tiếp nhận, cung cấp, cập nhật thông tin và thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý được giao theo quy định.

Điều 12. Xây dựng báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

a) Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bao gồm báo cáo về tình hình xử phạt vi phạm hành chính và báo cáo về tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, được thực hiện định kỳ 06 tháng và hàng năm.

b) Nội dung báo cáo và thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (*được sửa đổi, bổ sung theo Khoản 31 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ*). Mẫu Đề cương báo cáo và biểu mẫu số liệu báo cáo thực hiện theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

c) Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng văn bản (*là bản có chữ ký, họ tên của Thủ trưởng cơ quan báo cáo và đóng dấu phát hành theo quy định*); các biểu mẫu tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo phải được đóng dấu giáp lai. Đồng thời, gửi kèm theo file điện tử thông qua hộp thư điện tử của cơ quan nhận báo cáo.

Trường hợp phải chỉnh lý, bổ sung nội dung, số liệu trong báo cáo, cơ quan lập báo cáo có trách nhiệm gửi báo cáo đã được chỉnh lý, bổ sung, kèm theo văn bản giải trình rõ về việc chỉnh lý, bổ sung và phải có chữ ký xác nhận, đóng dấu.

2. Trách nhiệm thực hiện:

a) Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình đến UBND cấp huyện (*qua Phòng Tư pháp*) trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo 06 tháng; trước ngày 05 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo hàng năm.

b) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo 06 tháng; trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo hàng năm.

c) Sở Tư pháp tham mưu giúp Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn toàn tỉnh gửi Bộ Tư pháp trước ngày 20 tháng 7 đối với báo cáo 06 tháng; trước ngày 20 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo hàng năm.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Kinh phí thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Cán bộ, công chức thuộc Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp được phân công làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 của Quy chế này được chi hỗ trợ theo mức quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

Kinh phí chi hỗ trợ được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp.

Hàng năm, căn cứ vào số lượng hồ sơ mà Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo thẩm quyền trong năm trước, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp xây dựng dự toán ngân sách chi hỗ trợ theo hồ sơ vụ việc cho năm sau, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã chủ động trong việc tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các nội dung theo quy định tại Khoản 6 Điều 17 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Đề nghị HĐND tỉnh, đại biểu Quốc hội tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh, Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam tinh, các tổ chức thành viên của Mặt trận giám sát hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; khi phát hiện hành vi trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thì yêu cầu, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Giao Sở Tư pháp tham mưu giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Quy chế và tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. *HTW*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái